

# NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW: PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC CỦA ĐẤT NƯỚC

Ths. Trần Mạnh Tiến\*

*Nghị quyết số 39-NQ/TW khẳng định rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng trong việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của đất nước; trong đó, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước. Trong đó, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực phát triển; đẩy mạnh kinh tế hóa nguồn vật lực; tập trung khai thác tối đa tiềm năng khoa học và công nghệ cho phát triển kinh tế - xã hội; tránh xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực của đất nước và hủy hoại môi trường; đồng thời, chỉ đạo về công tác kiểm kê, đánh giá các nguồn lực của nền kinh tế. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể đối với từng nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) gắn với các mốc thời gian đến năm 2025, năm 2035 và năm 2045 - Thời điểm kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đồng thời chỉ ra các nhiệm vụ, giải pháp chung và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với từng nguồn lực nhằm thực hiện quan điểm và mục tiêu đề ra.*

• Từ khóa: Nghị quyết 39/TW, nguồn lực kinh tế, cơ chế, chính sách.

Resolution No. 39-NQ/TW clearly affirms the Party's guiding position in managing, exploiting, using and promoting the country's resources; in which, diversifying forms of mobilizing and using resources, promoting socialization, strongly attracting non-state investment resources. In particular, diversifying forms of mobilizing and using resources, promoting socialization, strongly attracting non-state investment resources; apply market principles in management, exploitation and use of development resources; promote economicization of material resources; focus on maximizing the potential of science and technology for socio-economic development; avoid loss, waste, deplete resources of the country and destroy the environment; at the same time, directing the work of inventorying and evaluating the resources of the economy. The Resolution set out the general objectives and specific objectives for each resource (human, material and financial resources) associated with the milestones to 2025, 2035 and 2045 - Anniversary time 100 years of establishment of the Democratic Republic of Vietnam, now the Socialist Republic of Vietnam; at the same time point out the tasks, general solutions and specific tasks and solutions for each resource in order to implement the set point and objectives.

• Keywords: Resolution 39/TW, economic resources, mechanisms and policies.

Ngày nhận bài: 1/3/2019

Ngày chuyển phân biên: 11/3/2019

Ngày nhận phản biện: 15/3/2019

Ngày chấp nhận đăng: 19/3/2019

## 1. Một số mục tiêu chính của Nghị quyết

**Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững:** Tại Nghị quyết, nêu rõ mục tiêu là nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiến tới trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với nguồn nhân lực, phấn đấu đến năm 2025, tỉ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 33% tổng số lao động của cả nước. Khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung-cầu nhân lực trong nền kinh tế, thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm, củng cố hệ thống chức nghiệp

\* Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp

thực tài. Đến năm 2035, tỉ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 25% tổng số lao động của cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao trên thế giới (giá trị từ 0,700-0,799). Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, có đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, chuyên gia đầu ngành tương đương trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực.

Đến năm 2045, tỉ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 15% tổng số lao động của cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao trên thế giới (giá trị từ 0,800 trở lên). Năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nhân lực Việt Nam đạt mức trung bình các nước ASEAN-4.

**Hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách:** Đối với nguồn vật lực, phấn đấu đến năm 2025, hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với thực tế quy mô và hiệu quả đầu tư. Xây dựng mới và duy trì vận hành mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường hiện có. Đồng thời, hình thành hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, hiện đại. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính chất cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa các vùng, miền trong cả nước và kết cấu hạ tầng đô thị. Đến năm 2035, phát triển các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất, bảo đảm khoảng 99% diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước, phục hồi 25% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái. Hoàn thiện hệ thống mạng quan trắc tài nguyên, môi trường quốc gia theo hướng tự động hóa. Hoàn thành việc xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường và hệ thống thông tin giám sát tài nguyên quốc gia... Đến năm 2045, chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài

nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt trong nước với quốc tế, ngang bằng với các nước phát triển.

**Giữ vững an ninh tài chính quốc gia, bảo đảm cân đối ngân sách:** Đối với nguồn tài lực, đến năm 2025, giữ vững an ninh tài chính quốc gia, bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước, đến năm 2020 xuống dưới 4% GDP, đến năm 2030 xuống khoảng 3% GDP, hướng tới cân bằng thu - chi ngân sách nhà nước. Đến năm 2030, nợ công không quá 60% GDP, nợ chính phủ không quá 50% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP. Đến năm 2020 cơ bản hoàn thành và đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trên phạm vi cả nước, hoàn thành di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, cơ sở phải di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đến năm 2025 mức dự trữ quốc gia đạt 0,8%-1,0% GDP. Dự nợ thị trường trái phiếu đạt 55% GDP. Đến năm 2035, mức dự trữ quốc gia đạt 1,5% GDP. Dự nợ thị trường trái phiếu đạt 70% GDP. Nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm chiếm 20%-30% tổng nguồn vốn đầu tư dài hạn...

Đến năm 2045, mức dự trữ quốc gia đạt 2% GDP. Dự nợ thị trường trái phiếu đạt 80% GDP. Nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các doanh nghiệp bảo hiểm chiếm 30%-50% tổng nguồn vốn đầu tư dài hạn. Giữ ổn định thu ngân sách nhà nước về đất đai đạt 10%, thu từ khai thác tài sản công đạt 5%-7% tổng thu ngân sách nhà nước.

**Nâng cao năng lực kiến tạo, quản trị quốc gia và năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp:** Để thực hiện được những mục tiêu đề ra, tại Nghị quyết đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp chung cụ thể: Sửa đổi, bổ sung và hoàn

thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế.

Cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, vùng và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ. Đổi mới cơ cấu thành phần kinh tế theo hướng bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng, tôn trọng tính phổ biến hơn là nhấn mạnh tính đặc thù; định vị vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước tập trung vào định hướng, dẫn dắt và thực hiện những dịch vụ công, đầu tư các dự án trọng điểm quốc gia mà các thành phần kinh tế khác không đủ năng lực hoặc không có nhu cầu đầu tư.

Nâng cao năng lực kiến tạo, quản trị quốc gia và năng lực tự chủ, đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, đánh giá, dự báo trên các lĩnh vực. Thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng và dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội. Kiểm soát tốt quyền lực, đề cao trách nhiệm giải trình và đạo đức công vụ. Xây dựng và thực thi nghiêm các chế tài đủ mạnh nhằm ngăn chặn hành vi cửa quyền, độc quyền, cơ chế xin - cho,

lợi ích nhóm, đẩy lùi tham nhũng, góp phần củng cố lòng tin của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và toàn xã hội...

Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả, phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, Nghị định quy định những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của từng nguồn lực. Đối với nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế về phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực Việt Nam. Đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá và đào tạo nguồn nhân lực, hoàn thiện thể chế phát triển thị trường lao động hoạt động hiệu quả.

Đối với nguồn vật lực, nguồn lực tài nguyên thiên nhiên tập trung hoàn thiện hệ thống luật pháp thúc đẩy xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể hóa quan điểm kinh tế hóa tài nguyên khoáng sản. Về nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tập trung hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng công khai, minh bạch, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội, coi đây là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu bảo đảm hoàn thiện cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với nguồn tài lực, điều hành chủ động, linh hoạt, hiệu quả chính sách tiền tệ, phối hợp có hiệu quả với chính sách tài khóa và các chính sách khác để kiểm soát lạm phát, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Điều hành lãi suất, tỉ giá linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ. Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý

thị trường vàng, quản lý giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý. Phát triển thị trường tiền tệ ổn định, minh bạch, phù hợp với định hướng phát triển thị trường tài chính... Hoàn thiện thể chế phát triển thị trường chứng khoán, xây dựng Luật chứng khoán sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thực hiện nhằm phát triển đồng bộ thị trường vốn, thị trường chứng khoán thành kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển.

**2. Để bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỉ lệ bội chi ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 39-NQ/TW đã đề cập đến những giải pháp**

*Thứ nhất*, thực hiện nghiêm Luật Ngân sách Nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách Nhà nước ở tất cả các ngành, các cấp. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách Nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế.

*Thứ hai*, giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách Nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp. Thực hiện chính sách tài khoá chặt chẽ, phối hợp đồng bộ với chính sách tiền tệ. Giảm các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách Nhà nước để tập trung nguồn lực cho phát triển.

*Thứ ba*, bên cạnh đó, kiểm soát và quản lý nợ công trong giới hạn cho phép, đẩy mạnh cơ cấu lại nợ công, kiểm soát chặt chẽ các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn; hoàn thiện luật pháp, chính sách quản lý nợ công phù hợp với tình hình thực tiễn trong nước và thông lệ quốc tế.

*Thứ tư*, nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công, gắn trách nhiệm phân bổ, sử dụng vốn vay với trách nhiệm giải trình, cân đối nghĩa vụ trả nợ; tập trung phát triển thị trường vốn trong nước theo hướng đa dạng hoá công cụ nợ và nhà đầu tư, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Đặc biệt, để nâng cao hiệu quả các nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh

và bền vững, chúng ta cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để khơi thông, giải phóng tối đa và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực hiện có. Đồng thời, đẩy nhanh quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển từ chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động sang sử dụng tổng hợp, có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế. Mặt khác, cần cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, vùng và sản phẩm chủ yếu theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung các nguồn lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng cao và có thị trường tiêu thụ. Cùng đó, cần chủ động nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ thông tin về các nguồn lực trong nền kinh tế để sử dụng tối ưu và hiệu quả; phân phối, chia sẻ và tái sử dụng có hiệu quả các nguồn lực dư thừa, làm gia tăng giá trị các nguồn lực của nền kinh tế. Ngoài ra, các bộ, ngành, địa phương cần khẩn trương cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết; xây dựng và triển khai các Đề án nhằm quản lý, khai thác, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước.

**Tài liệu tham khảo:**

*Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/1/2019 của Bộ Chính trị.*

*<http://baophapluat.vn>, Nâng cao hiệu quả, phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.*

*Tạp chí tài chính (1/2019) Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.*